

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04/9/2025

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THÁI NGUYÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Ma Thị Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nông Văn Điền** và bà **Lục Thị Xinh**

Thư ký phiên toà: Ông **Cao Văn Thuận** – Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 7 – Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà **Trương Thị Thắm**- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 – Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 14 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Lường Thị L** - Sinh năm 1992. Có mặt

Địa chỉ: Thôn K, xã C, tỉnh Thái Nguyên

* Bị đơn: Anh **Đặng Quầy V** - Sinh năm 1991. Vắng mặt

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn V, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (nay là Thôn V, xã P, tỉnh Thái Nguyên). Đã mất tích theo quyết định tuyên bố mất tích của Tòa án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 7 năm 2025, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lường Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Lường Thị L và anh Đặng Quầy V có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 14/5/2011 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, anh V về sinh sống cùng với chị L tại thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, nhưng anh V không chuyển nhân khẩu về cùng nhân khẩu với chị L mà vẫn có nơi thường trú

cùng bố mẹ đẻ tại thôn V, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến cuối năm 2012 chị L và anh V xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng cãi chửi nhau, nguyên nhân là do anh V lười lao động, vợ chồng không có tiền để nuôi con, kinh tế khó khăn, anh V tự ý bỏ nhà đi về bên nhà bố mẹ đẻ ở thôn V, xã Đ sinh sống và không quay lại nhà chị L nữa (thời gian đó vào tết âm lịch năm 2012). Sau đó, chị L đến nhà bố mẹ đẻ của anh V tại thôn V, xã Đ, huyện B để tìm nhưng được gia đình anh V cho biết anh V về sống ở nhà bố mẹ đẻ một thời gian rồi cũng tự ý bỏ nhà đi làm ăn, đi đâu, làm ở đâu không nói cho bố, mẹ và người thân của anh V biết địa chỉ, nên không ai biết anh V ở đâu.

Do anh V đã tự ý bỏ đi khỏi nơi cư trú nhiều năm (từ năm 2013 đến năm 2024) không có tin tức gì về anh V. Chị L đã áp dụng biện pháp tìm kiếm nhiều lần nhưng vẫn không rõ tung tích, không rõ anh V còn sống hay đã chết. Anh V cũng chưa từng quay lại địa chỉ cư trú cuối cùng và cũng không liên hệ với bất kỳ ai, tất cả người thân, bạn bè đều không biết hiện nay anh V đang làm gì, ở đâu. Ngày 30/12/2024, chị L đã thực hiện các thủ tục tại Tòa án yêu cầu tuyên bố anh Đặng Quỳ V mất tích. Ngày 17/6/2025 Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2025/QĐST-VDS về việc tuyên bố một người mất tích đối với anh Đặng Quỳ V.

Nay, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L và anh V không sống chung từ năm 2013 đến nay, anh V đã mất tích. Vì vậy, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Chị L và anh V có 01 con chung là: Đặng Thị C, sinh ngày 15/11/2012. Con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Chị L và anh V không có tài sản chung, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị L và anh V không có vay nợ chung, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn Đặng Quỳ V đã mất tích nên không có lời khai.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thái Nguyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

* Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

các đương sự không bị hạn chế quyền tham gia tố tụng và thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng. Bị đơn vắng mặt nên không tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

* Về yêu cầu khởi kiện của đương sự và đường lối giải quyết vụ án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị L và anh Đặng Quỳ V kết hôn ngày 14/5/2011 trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã C, tỉnh Thái Nguyên). Sau khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng giữa chị L và anh V không hạnh phúc, nguyên nhân do anh V ham chơi, lười lao động, kinh tế khó khăn, không có tiền nuôi con dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau và anh V đã bỏ nhà đi từ đầu năm 2013 đến nay. Từ khi bỏ đi anh V không quay về nơi cư trú, do không có thông tin gì của anh V nên chị L đã yêu cầu Tòa án tuyên bố anh V mất tích. Ngày 17/6/2025, Tòa án đã ra quyết định tuyên bố anh Đặng Quỳ V mất tích. Vì vậy, chị L yêu cầu được ly hôn với anh V là có căn cứ, cần được chấp nhận.

- Về con chung: Chị L và anh V có 01 con chung là Đặng Thị C, sinh ngày 15/11/2012. Con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Từ khi anh V bỏ đi đến nay, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Anh Đặng Quỳ V đã mất tích theo quyết định của Tòa án, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị L, giao con chung Đặng Thị C cho chị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo điều kiện về mọi mặt cho con và phù hợp với nguyện vọng của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị L không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Đề nghị căn cứ Điều 28, 35, 39; 147; 227; 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Lường Thị L: Chị Lường Thị L được ly hôn anh Đặng Quỳ V.

* Về con chung: Giao con chung Đặng Thị C, sinh ngày 15/11/2012 cho chị Lường Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

* *Về tài sản chung và vay nợ chung*: đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết

* *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Lường Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thái Nguyên. Do anh Đặng Quỳ V mất tích nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị L và anh Đặng Quỳ V kết hôn ngày 14/5/2011 trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã C, tỉnh Thái Nguyên). Sau khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng giữa chị L và anh V không hạnh phúc, không duy trì được tình nghĩa vợ chồng. Đầu năm 2013, anh V đã bỏ nhà đi đến nay không về nơi cư trú. Sau khi anh V bỏ nhà đi, chị L và gia đình đã tìm kiếm anh V nhiều nơi nhưng không có kết quả, không có tin tức gì của anh V. Tháng 01/2025, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố anh Đặng Quỳ V mất tích và Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị L - tuyên bố anh Đặng Quỳ V mất tích. Xét thấy, anh V đã bỏ nhà đi nhiều năm, trên cơ sở yêu cầu của chị L, Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật. Ngày 17/6/2025, Tòa án đã ra quyết định tuyên bố anh Đặng Quỳ V mất tích. Khoản 2, điều 68/BLDS năm 2015 quy định: “*Trường hợp vợ hoặc chồng của người bị tuyên bố mất tích xin ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.*” và khoản 2, điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn*”. Trên cơ sở quy định pháp luật và thực tế hôn nhân của chị L và anh V, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, cho chị L được ly hôn với anh Đặng Quỳ V.

[3] Về con chung: Chị L và anh V có 01 (một) con chung là: Đặng Thị C, sinh ngày 15/11/2012. Con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Từ khi anh V bỏ đi đến nay, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Anh Đặng Quỳ V đã mất tích theo quyết định của Tòa án, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị L, giao con chung Đặng Thị C cho chị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo điều kiện về mọi mặt cho con và phù hợp với nguyện vọng của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị L và anh V không có tài sản chung, chị L không yêu cầu giải quyết.

[5] Về vay nợ chung: Chị L và anh V không có vay nợ chung, chị L không yêu cầu giải quyết

[6] Về án phí: Nguyên đơn Lương Thị L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39; 147; 227; 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Lương Thị L: Chị Lương Thị L được ly hôn anh Đặng Quỳ V.

2. *Về con chung*: Giao con chung Đặng Thị C, sinh ngày 15/11/2012 cho chị Lương Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và vay nợ chung*: Đương sự không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Lương Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số: 000189, ngày 15/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 7;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Cẩm Giàng
(Nơi Đăng ký kết hôn);
- Lưu HSVA;
- Lưu trữ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ma Thị Nguyên

